

Bản án số: 31/2019/ HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2019

“V/v nam nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Bùi Thị Kim Hiền**

2/ Bà **Nguyễn Thị Anh Tấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Thị Anh Ninh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Hằng** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30/9/2019 tại trụ sở TAND huyện Phù Ninh - tỉnh Phú Thọ, TAND huyện Phù Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40 ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1964

Địa chỉ: khu 1, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu 9, xã Q, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T** - sinh năm 1966

Địa chỉ: khu 1, xã L, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Hôm nay, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn và bản tự khai tiếp theo bà Nguyễn Thị H trình bày:** Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau có hai con chung nhưng ông bà không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống ông bà cũng không đến UBND xã nơi có hộ khẩu thường trú làm thủ tục đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do ông T hay uống rượu, chơ bời cờ bạc, có

quan hệ với người phụ nữ khác, về thường xuyên đánh đập bà nhiều lần bà phải đi bệnh viện điều trị thương tích do ông T đánh, khi đó bà cũng bỏ qua cho ông T nhiều lần để con có bố có mẹ nhưng ông T không thay đổi. Lần gần đây nhất vào ngày 10/5/2019 bà bị ông T đánh vào mắt phải nhập viện. Bà thấy cuộc sống giữa bà và ông T không thể tiếp tục được. Bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà và ông T.

- Ông Nguyễn Văn T trình bày: ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 có sự chứng kiến của hai gia đình hai bên. Sau kết hôn ông bà về chung sống tại khu 1 xã L, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thì thoảng có xảy ra xô xát. Ông thấy tình cảm giữa ông và bà H vẫn còn. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa ông và bà H, ông không nhất trí.

*Về con chung: bà H và ông T đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 21/6/1995 và cháu Nguyễn Thị Thúy N - sinh ngày 23/6/2007. Hiện nay do cháu Q đã trưởng thành nên hai ông bà đều không có đề nghị gì. Với cháu N thì cả bà H và ông T đều xin được nuôi con, hai bên đều không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

* Về tài sản chung: bà H và ông T xác nhận hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung, công sức: bà H và ông T đều xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H làm đơn đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Văn T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh theo quy định tại khoản 7 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35 BLTTDS.

[2] Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T chung sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 1990 mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm anh chị chung sống với nhau khi luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đang có hiệu lực thi hành nên theo quy định tại khoản 1 điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của luật này; Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của luật này đều không có giá trị pháp lý; Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Tại điểm c khoản 2 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 cũng quy định: “Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và

nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Tại đơn đề nghị không công nhận là vợ chồng ngày 23/5/2019 của bà Nguyễn Thị H, UBND xã L xác nhận: bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L.

Theo biên bản làm việc ngày 11/9/2019 tại UBND xã L đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1990, trong quá trình chung sống bà H và ông T cũng không đến UBND xã nơi ông T và bà H có hộ khẩu thường trú làm thủ tục đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung giữa bà H và ông T thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra xô xát, khi mâu thuẫn xảy ra được hai bên gia đình hòa giải nhưng bà H và ông T không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Thời gian gần đây UBND xã L có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm việc, các biên bản phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, UBND xã có cử cán bộ đến giao tận nơi cho ông T, ông T đã nhận. Quan điểm của UBND xã L là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của con chưa thành niên.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H và ông T đều có đơn xin được xét xử vắng mặt nhưng quan điểm của ông bà đã thể hiện rõ trong quá trình giải quyết vụ án và không có thay đổi gì. Như vậy, căn cứ vào các quy định của pháp luật nêu trên có đủ căn cứ để không công nhận là quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T.

[3] Về con chung: bà H và ông T xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hồng Q - sinh ngày 21/6/1995 và cháu Nguyễn Thị Thúy N - sinh ngày 23/6/2007. Hiện nay do cháu Q đã trưởng thành nên hai ông bà đều không có đề nghị gì. Với cháu N thì cả bà H và ông T đều xin được nuôi con, hai bên đều không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay cháu N đang ở với ông T, tại bản tự khai thì nguyện vọng của cháu N khi bố mẹ ly hôn xin được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của bà H và nguyện vọng của cháu N là hợp lý, vì vậy cần giao con chung cho bà H là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Ông bà đều xác nhận hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung, công sức: không có.

[6] Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện VKS nhân dân huyện Phù Ninh có quan điểm: vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị Tòa án xử Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Thúy N - sinh ngày 23/6/2007 cho bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị

Tòa án giải quyết. Về nợ chung, công sức: không có. Bà H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điều 14; điều 15; điều 81; điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228; điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T.

* **Về con chung:** giao cháu Nguyễn Thị Thúy N - sinh ngày 23/6/2007 cho bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không yêu cầu.

Hai bên đều có quyền nghĩa vụ như nhau trong việc giáo dục con chung không ai được ngăn cấm.

* **Về tài sản chung:** hai bên tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung, công sức:** không có.

* **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001159 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu: HS- VP (10).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Vân